CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	900
SL cổ phiếu LH	24,632,809
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,450
% sở hữu nước ngoài	4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
P/E	-8.4
EPS	-120

	YTD	1T	3T	6T
LCM	-9.1%	11.1%	-9.1%	-16.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

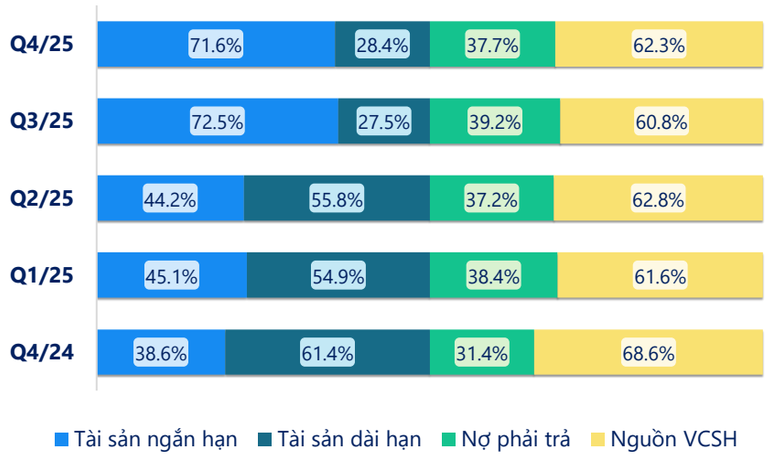

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

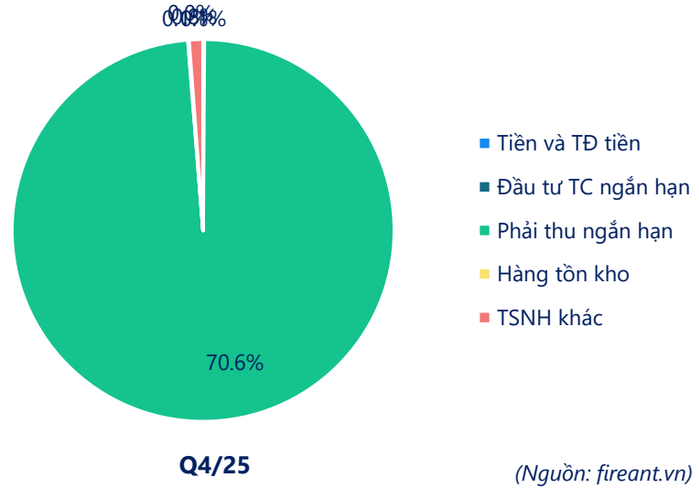

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

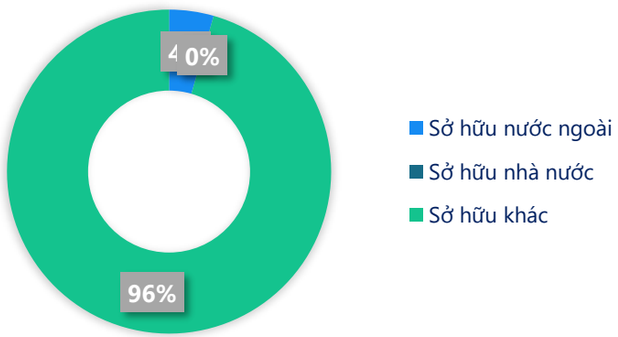

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

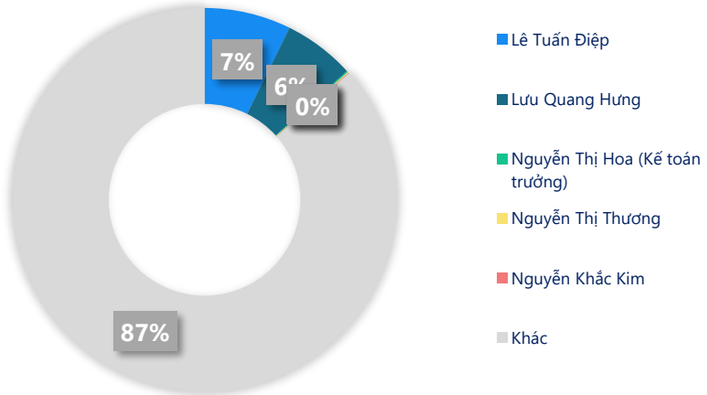

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

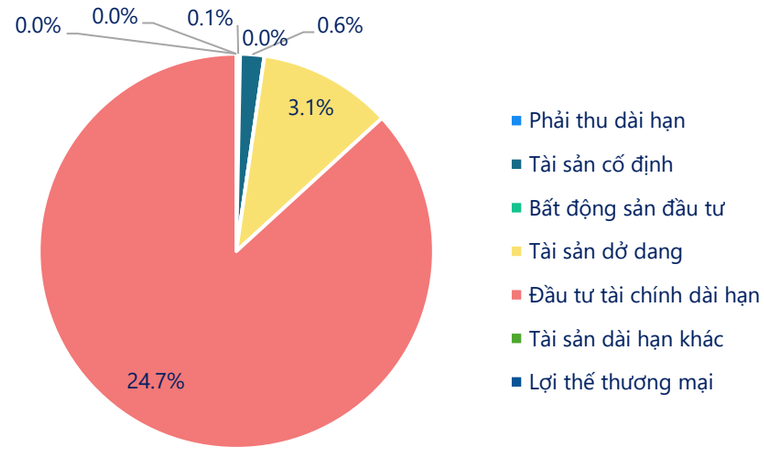

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

Tiền và tương đương tiền

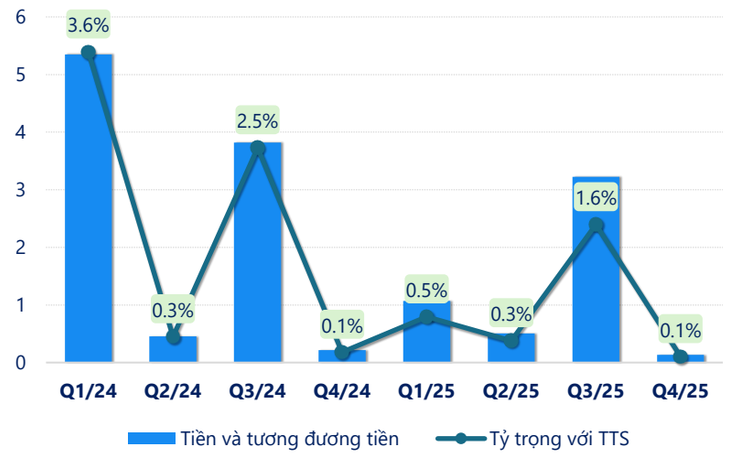

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

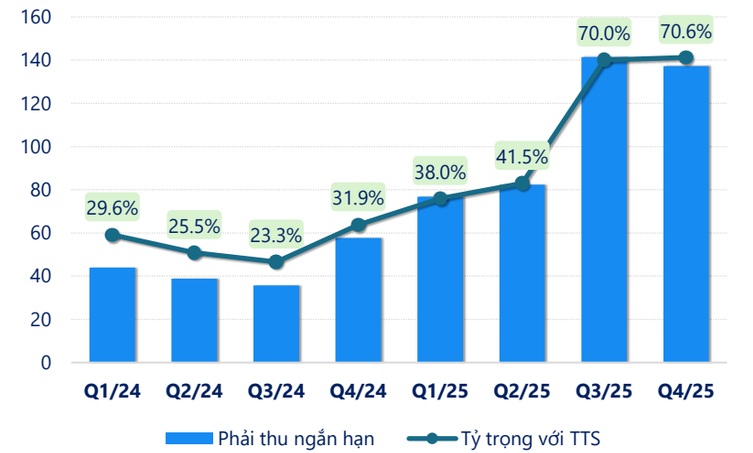

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

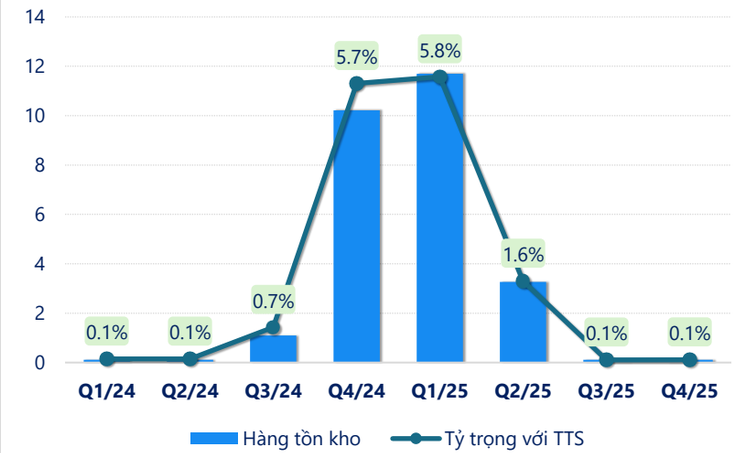

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

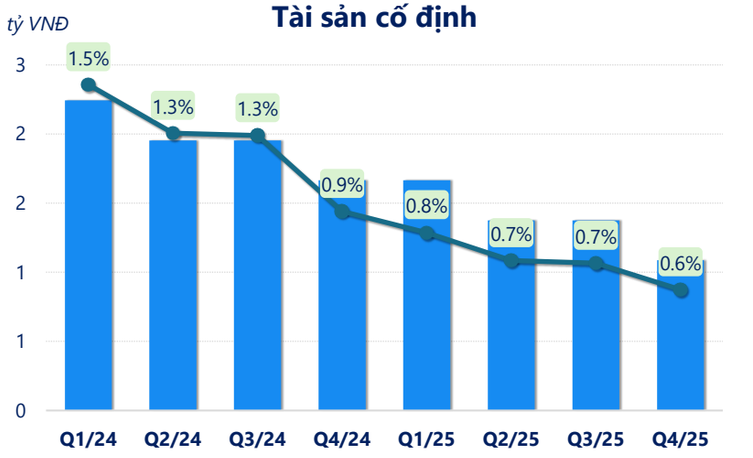

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

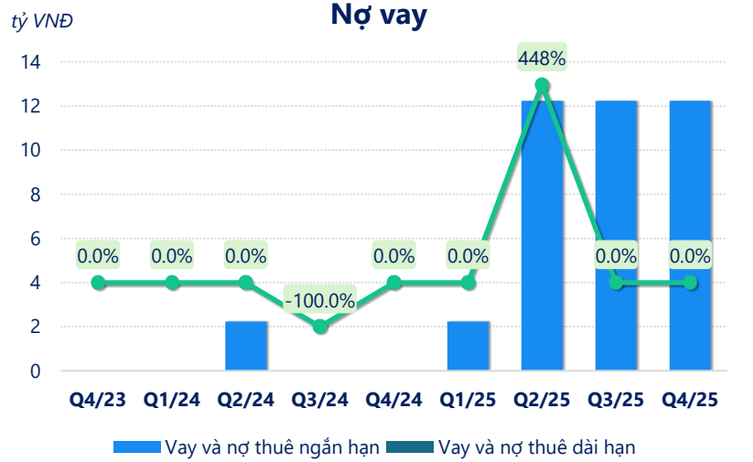

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

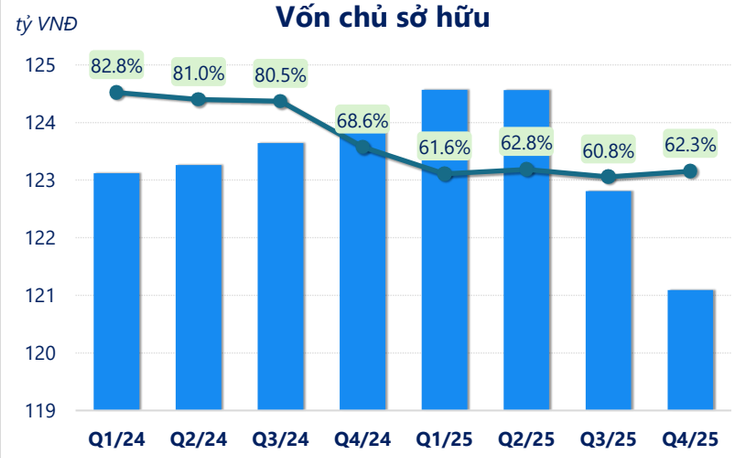

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

Kết quả kinh doanh

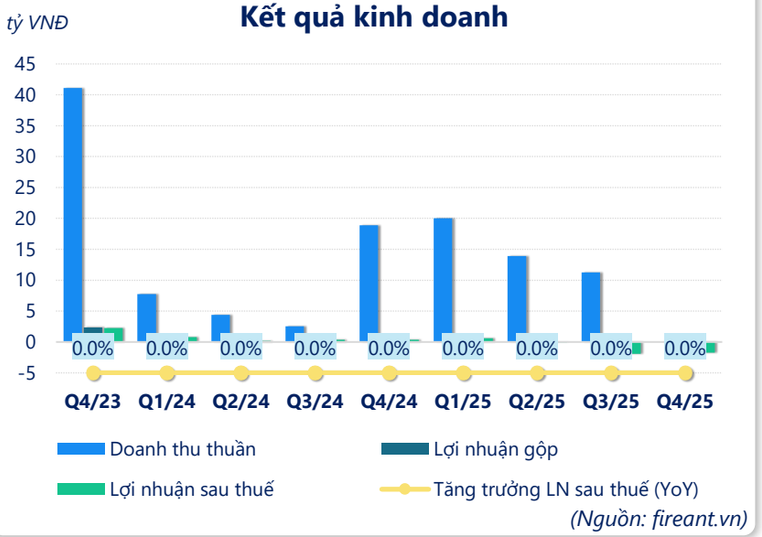

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

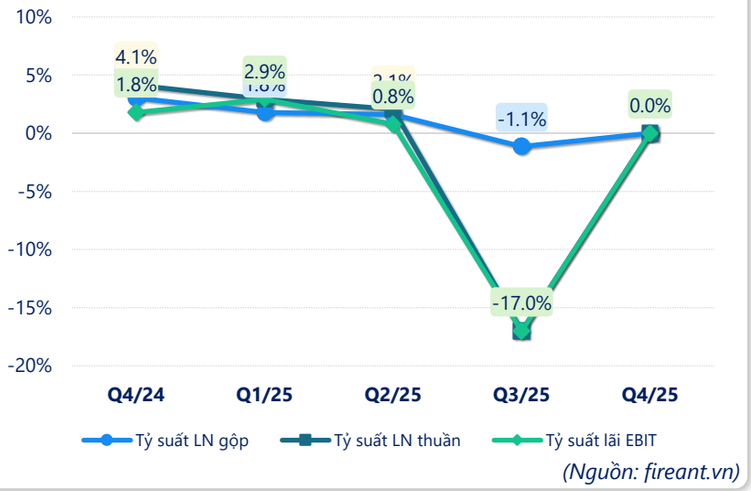

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

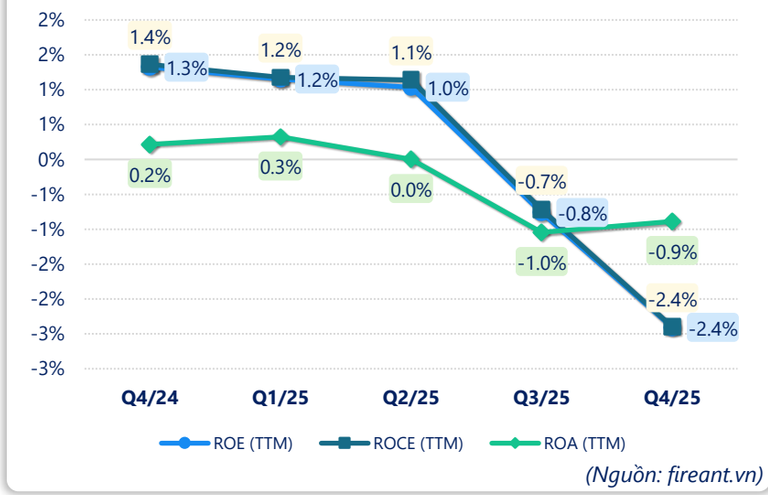

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

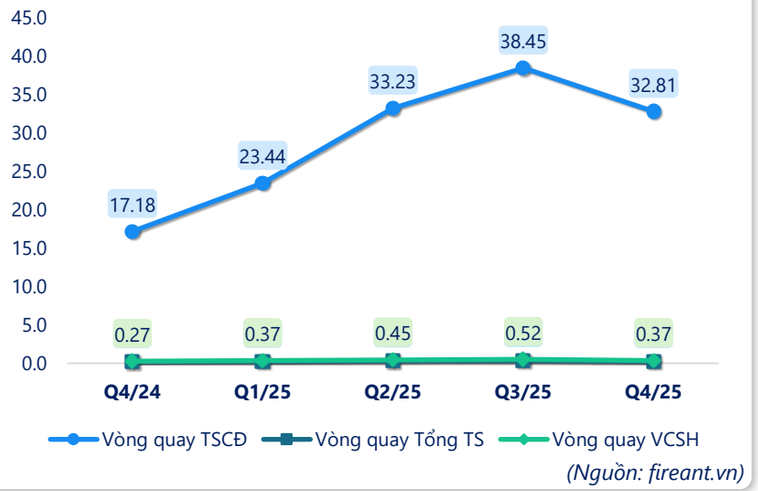

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

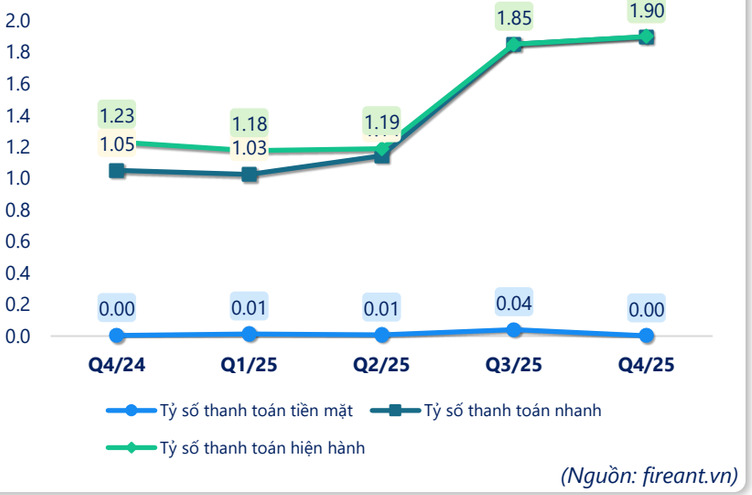

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

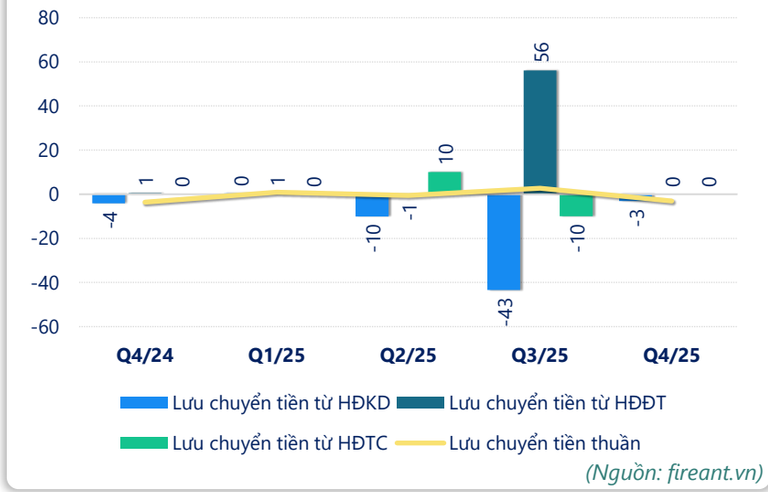

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**194**	**170**	**14.1%**
Tài sản ngắn hạn	139	59.4	134%
Tiền và tương đương tiền	0.14	0.22	-37.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	137	57.2	140%
Hàng tồn kho	0.11	0.32	-66.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.65	1.66	-0.9%
Tài sản dài hạn	**55.2**	**111**	**-50.2%**
Phải thu dài hạn	0.17	55.3	-99.7%
Tài sản cố định	1.09	1.67	-34.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.03	6.03	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.9	47.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	73.3	46.3	58.1%
Nợ ngắn hạn	**73.3**	**46.3**	**58.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.2	2.23	448%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.6	40.5	22.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**121**	**124**	**-2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**121**	**124**	**-2.3%**
Vốn điều lệ	246	246	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	18.9	20.0	13.9	11.2	0
Giá vốn hàng bán	18.3	19.6	13.7	11.4	0
Lợi nhuận gộp	0.57	0.36	0.22	-0.13	0
Doanh thu HĐTC	0.52	0.51	0.53	0.00	0.00
Chi phí TC	0.00	0.00	0.11	0.32	0.20
Chi phí lãi vay	0	0	0.11	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.31	0.28	0.35	1.47	1.23
LN thuần từ HĐKD	0.78	0.58	0.29	-1.91	-1.43
Lợi nhuận khác	-0.44	0	-0.29	0	-0.29
LN trước thuế	0.34	0.58	0.00	-1.91	-1.72
Lợi nhuận sau thuế	0.34	0.58	0.00	-1.91	-1.72
LNST của CĐ cty mẹ	0.35	0.57	0.00	-1.86	-1.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.13	0.34	-10.1	-43.4	-3.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.53	0.51	-0.51	56.2	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	10.0	-10.0	0
Tiền đầu kỳ	3.82	0.22	1.07	0.50	3.22
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.60**	**0.85**	**-0.57**	**2.72**	**-3.09**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.22	1.07	0.50	3.22	0.14

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic